TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TECHCOM LIFE MAX VỮNG VÀNG
KẾ HOẠCH CƠ BẢN
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ Thương
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

BẢO VỆ TOÀN DIỆN VỮNG VÀNG TRƯỚC MỌI RỦI RO

- Bảo vệ vượt trội lên đến 310% Số tiền bảo hiểm, giúp gia đình an tâm trước những biến cố lớn.
- Mở rộng tuổi tham gia bảo hiểm tới 70 tuổi và bảo vệ sinh mạng trọn đời tới 100 tuổi.
- Cam kết bảo vệ đến Năm hợp đồng thứ 30 khi Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên.

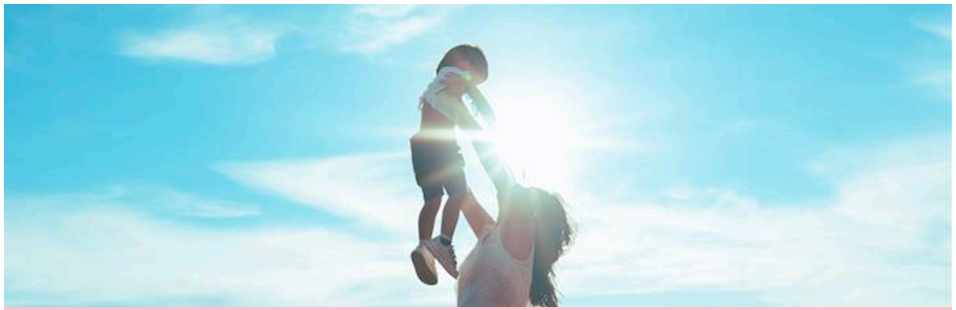

CHỦ ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI LINH HOẠT THEO NHU CẦU TÀI CHÍNH

- Hưởng lãi suất đầu tư từ Quỹ liên kết chung, không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu trong suốt Thời hạn bảo hiểm, tối ưu hóa hiệu quả tài chính dài hạn.
- Ghi nhận sự đồng hành bền vững của khách hàng thông qua thưởng duy trì hợp đồng hấp dẫn, từ 50% đến 200% Phí bảo hiểm cơ bản thực đóng trung bình năm vào Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 10, thứ 15 và thứ 20.
- Linh hoạt đóng phí từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi, đồng thời có thể điều chỉnh kế hoạch đóng phí phù hợp mà vẫn được duy trì đầy đủ quyền lợi bảo vệ.

Lưu ý: Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo thông tin sản phẩm, tự thiết lập, đánh giá Hợp đồng bảo hiểm Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Techcom Life Max Vững Vàng dự kiến tham gia tại website Công ty www.techcomlife.com.

THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÂN THỌ KỸ THƯƠNG (SAU ĐÂY GỌI LÀ TECHCOM LIFE)

Lĩnh vực kinh doanh: các loại hình bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 16/07/2025. Vốn điều lệ: 1.300 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tòa C5 D'Capitale, 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Tổng đài: 1800 1266 Email: dvkh@techcomlife.com Website: www.techcomlife.com

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TỔ CHỨC

Đại lý bảo hiểm tổ chức:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Địa chỉ Đại lý bảo hiểm tổ chức:	Số 6 phố Quang Trung, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Nội dung được ủy quyền theo Hợp đồng đại lý:	Thực hiện tư vấn, giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm; thu xếp việc giao kết hợp đồng, thu Phí bảo hiểm; thu thập hồ sơ để phục vụ giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm.
Họ và Tên Chuyên viên Tư vấn thuộc Đại lý bảo hiểm tổ chức:	TÊN CỦA CVTV
Số chứng chỉ Đại lý bảo hiểm của Chuyên viên Tư vấn:	2382938292AN

THÔNG TIN BÊN MUA BẢO HIỂM

Họ và Tên:	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Ngày sinh:	26/03/1991	Tuổi: 34
Giới tính:	☑ Nam ☐ Nữ	Nghề nghiệp:	Công an (hành chính)	

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

A. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Người được bảo hiểm (NĐBH)	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp
Anh A	03/05/1985	40	Nam	2

B. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Sản phẩm chính	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)(1)	Thời hạn bảo hiểm (năm)(2)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)	Mức thẩm định
Người được bảo hiểm: Anh A					
Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Techcom Life Max Vững Vàng - Kế hoạch cơ bản	5.000.000.000	5	60	250.000.000	Chuẩn

Định kỳ đóng phí	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ (a)	20.825.000	62.500.000	125.000.000	250.000.000
Phí bảo hiểm Sản phẩm bán kèm theo định kỳ (b)(3)	-	-	-	-
Tổng Phí bảo hiểm theo định kỳ (c) = (a) + (b)	20.825.000	62.500.000	125.000.000	250.000.000
Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến (d)(4)	-	-	-	-
Tổng Phí bảo hiểm theo định kỳ và Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến = (c) + (d)	20.825.000	62.500.000	125.000.000	250.000.000

Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm

Lưu ý: Phí bảo hiểm của các Sản phẩm trong Tài liệu minh họa bán hàng này được làm tròn theo đơn vị đồng.

Ghi chú:

(1) Đối với Sản phẩm chính, Thời hạn đóng phí bắt buộc là 03 Năm hợp đồng (HĐ) đầu tiên. Từ Năm hợp đồng thứ 4, Bên mua bảo hiểm (BMBH) có thể đóng phí linh hoạt khác với Thời hạn đóng phí dự kiến và tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm, tùy theo tình hình tài

chính, nhu cầu tích lũy và bảo vệ của mình. Trường hợp BMBH có yêu cầu được minh họa ở Thời hạn đóng phí dự kiến khác với Tài liệu minh họa bán hàng này, vui lòng yêu cầu Chuyên viên Tư vấn cung cấp Tài liệu minh họa bán hàng mới. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể dẫn đến Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng (đặc biệt khi NĐBH có mức Phí rủi ro cao ở các độ tuổi lớn; hoặc BMBH thực hiện rút tiền từ Giá trị tài khoản). Ngoài ra, các Khoản thưởng giúp gia tăng Giá trị tài khoản sẽ được đảm bảo khi BMBH đóng đầy đủ Phí bảo hiểm thỏa điều kiện nhận thưởng theo quy định.

(2) Thời hạn bảo hiểm được tính dựa vào độ tuổi tham gia của NĐBH và Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm theo quy định của từng sản phẩm. Đối với Sản phẩm chính, Thời hạn bảo hiểm thực tế sẽ phụ thuộc vào thời hạn hiệu lực của Hợp đồng và các sự kiện làm ảnh hưởng đến hiệu lực Hợp đồng được quy định chi tiết tại Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.

(3) Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm cần được đóng đầy đủ khi đến hạn. Các Sản phẩm bán kèm sẽ mất hiệu lực trong trường hợp Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bán kèm chưa được đóng sau Thời gian gia hạn đóng phí.

(4) Đây là số tiền BMBH dự kiến đóng thêm trong Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm đóng thêm các năm sau, nếu có, được thể hiện trong **MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ** của Sản phẩm chính.

II. TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

A. TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. Quyền Lợi Bảo hiểm Rủi Ro

Quyền lợi	Giá trị quyền lợi	Chú thích
Người được bảo hiểm: Anh A		
Tử vong	**Bằng tổng của:** i. Giá trị lớn hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và **5.000.000.000** đồng (Số tiền bảo hiểm); và ii. Giá trị tài khoản đóng thêm.	- Các giá trị chi trả được xác định tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm. - Đối với NĐBH là trẻ em dưới 4 tuổi, Số tiền bảo hiểm (STBH) khi xác định quyền lợi này sẽ được thay đổi tương ứng theo tỷ lệ % Số tiền bảo hiểm theo Tuổi bảo hiểm của NĐBH. Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo chi tiết tại Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm. - Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Quyền lợi này được chi trả.
Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV) do Ung thư tuyến giáp chưa tiến triển	**200.000.000** đồng.	- Chi trả tối đa 10% Số tiền bảo hiểm và không vượt quá 200.000.000 đồng/NĐBH. - Giá trị của Quyền lợi TTTBVV xác định tại thời điểm NĐBH thỏa định nghĩa TTTBVV và trước Ngày kỷ niệm năm Hợp đồng khi NĐBH đạt 75 tuổi. - Quyền lợi này chỉ chi trả một lần và Hợp đồng vẫn tiếp tục hiệu lực.
TTTBVV do Ung thư tuyến giáp tiến triển	**Bằng tổng của:** i. Giá trị lớn hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và **5.000.000.000** đồng (Số tiền bảo hiểm); và	- Giá trị của Quyền lợi TTTBVV xác định tại thời điểm NĐBH thỏa định nghĩa TTTBVV và trước Ngày kỷ niệm năm Hợp đồng khi NĐBH đạt 75 tuổi.

	ii. Giá trị tài khoản đóng thêm. Trừ Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp chưa tiến triển đã chi trả (nếu có).	- Đối với NĐBH là trẻ em dưới 4 tuổi, Số tiền bảo hiểm (STBH) khi xác định quyền lợi này sẽ được thay đổi tương ứng theo tỷ lệ % Số tiền bảo hiểm theo Tuổi bảo hiểm của NĐBH. Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo chi tiết tại Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm. - Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV do Ung thư tuyến giáp tiến triển hoặc TTTBVV không do Ung thư tuyến giáp được chi trả.
TTTBVV không do ung thư tuyến giáp	**Bằng tổng của:** i. Giá trị lớn hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và **5.000.000.000** đồng (Số tiền bảo hiểm); và ii. Giá trị tài khoản đóng thêm.	
Tử vong do tai nạn	**Chi trả thêm:** + **10.000.000.000** đồng (2 lần Số tiền bảo hiểm) khi NĐBH tử vong do tai nạn trên phương tiện công cộng; hoặc + **5.000.000.000** đồng (Số tiền bảo hiểm) khi NĐBH tử vong do tai nạn khác.	- Số tiền bảo hiểm được xác định tại thời điểm NĐBH tử vong. - Đối với NĐBH là trẻ em dưới 4 tuổi, Số tiền bảo hiểm khi xác định quyền lợi này sẽ được thay đổi tương ứng theo tỷ lệ % Số tiền bảo hiểm theo Tuổi bảo hiểm của NĐBH. Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo chi tiết tại Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm. - Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Quyền lợi bảo hiểm này được chi trả.

2. Quyền Lợi đầu tư

<table>
<tr><th>Quyền lợi</th><th>Giá trị quyền lợi</th><th>Chú thích</th></tr>
<tr><td colspan="3">Người được bảo hiểm: Anh A</td></tr>
<tr><td>Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung</td><td>Bên mua bảo hiểm được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với Giá trị tài khoản hợp đồng theo định kỳ tháng.</td><td>Giá trị tài khoản hợp đồng (bao gồm Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm) sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất thực tế của Quỹ Liên kết chung do Techcom Life công bố nhưng không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu của Sản phẩm chính.
<table>
<tr><td>Năm hợp đồng</td><td>1</td><td>2-3</td><td>4-5</td><td>Từ năm thứ 6 trở đi</td></tr>
<tr><td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td><td>4,5%</td><td>3,0%</td><td>2,0%</td><td>1,0%</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Quyền lợi đáo hạn</td><td>100% Giá trị tài khoản trừ đi Khoản nợ (nếu có).</td><td>Hợp đồng có hiệu lực đến hết Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm.</td></tr>
</table>

3. Quyền Lợi khác

<table>
<tr><th>Quyền lợi</th><th>Giá trị quyền lợi</th><th>Chú thích</th></tr>
<tr><td colspan="3">Người được bảo hiểm: Anh A</td></tr>
<tr><td>Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng</td><td>Khoản thưởng duy trì hiệu lực hợp đồng tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản thực đóng trung bình năm nhân với Tỷ lệ thưởng tính đến thời điểm nhận thưởng, được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản như sau:
<table>
<tr><td>Thời điểm nhận thưởng</td><td>Tỷ lệ thưởng</td></tr>
<tr><td>Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10</td><td>50%</td></tr>
<tr><td>Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 15</td><td>100%</td></tr>
<tr><td>Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 20</td><td>200%</td></tr>
</table></td><td>Điều kiện tính tới thời điểm nhận thưởng:
(i) Hợp đồng chưa từng bị đơn phương chấm dứt hiệu lực do không đóng Phí bảo hiểm; và
(ii) Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ; và
(iii) Không có giao dịch rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.</td></tr>
</table>

B. TÓM TẮT QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VỚI SẢN PHẨM CHÍNH

1. **Điều chỉnh** Số tiền bảo hiểm.
2. Thay đổi lựa chọn **Kế hoạch Cơ bản/Nâng cao.**
3. Thay đổi **Định kỳ đóng phí.**
4. **Tham gia thêm** hoặc **Chấm dứt** hiệu lực Sản phẩm bán kèm.
5. **Tích lũy thêm**: Bên mua bảo hiểm được quyền tích lũy thêm bất cứ lúc nào bằng phí đóng thêm.
6. **Rút tiền** từ Giá trị tài khoản hợp đồng như sau:
   - Vào bất kỳ thời điểm nào từ Giá trị tài khoản đóng thêm sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc; hoặc
   - Kể từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 trở đi từ Giá trị tài khoản cơ bản.
   - Không có phí rút tiền.
7. Đảm bảo duy trì hiệu lực **Hợp đồng đặc biệt**: Hợp đồng bảo hiểm này sẽ duy trì hiệu lực đến Ngày kỷ niệm Năm hợp đồng thứ 30 cho dù Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán cho Khoản khấu trừ hàng tháng. Với điều kiện như sau:
   - Chỉ áp dụng với Kế hoạch Cơ bản trong suốt Thời hạn hợp đồng; và
   - Không có bất kỳ yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm; và
   - Không thực hiện rút tiền từ Giá trị tài khoản Cơ bản

   Trong thời gian đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng, Khoản khấu trừ hàng tháng không được thanh toán đủ từ Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ không được xem là Khoản nợ. Hợp đồng bảo hiểm sẽ không được đảm bảo duy trì hiệu lực nếu không đáp ứng một trong các điều kiện trên.

Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện nêu trên.

III. CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

1. Các điều khoản loại trừ sản phẩm chính:

a. Loại trừ áp dụng cho Tử vong

- Tự tử hoặc hậu quả của hành vi tự tử không thành (dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí) trong vòng 24 tháng kể từ Ngày hiệu lực Hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; hoặc
- Hành vi vi phạm pháp luật hình sự; một số hành vi vi phạm hành chính cụ thể như: người đi bộ đi vào đường cao tốc, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đi vào đường cấm/đi vào đường ngược chiều/chạy quá tốc độ quy định/lùi xe trái quy định/không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông/không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; và hành vi cố ý gây thương tích của NĐBH, BMBH, Người thụ hưởng lên NĐBH; hoặc
- Bạo loạn, đánh nhau, nổi dậy, biểu tình, đình công, khủng bố.

b. Loại trừ áp dụng cho TTTBVV

- Bệnh có sẵn, ngoại trừ các trường hợp đã kê khai và được Techcom Life chấp nhận bảo hiểm; hoặc
- Hành vi vi phạm pháp luật hình sự; một số hành vi vi phạm hành chính cụ thể như: người đi bộ đi vào đường cao tốc, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đi vào đường cấm/đi vào đường ngược chiều/chạy quá tốc độ quy định/lùi xe trái quy định/không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông/không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; và hành vi cố ý gây thương tích của NĐBH, BMBH, Người thụ hưởng lên NĐBH; hoặc
- Sử dụng thuốc, bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất độc, thuốc kích thích trái pháp luật và/hoặc không theo chỉ định của Bác sĩ; hoặc
- NĐBH điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo quy định có hiệu lực của Bộ Y tế (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung) tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm; hoặc
- Nhiễm HIV hoặc các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV/AIDS trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc
- Tham gia vào các hoạt động nguy hiểm, bao gồm các hoạt động như: huấn luyện hoặc diễn tập quân sự bởi lực lượng vũ trang, lặn biển có bình khí, các môn thể thao chuyên nghiệp, thể thao trên không, nhảy dù, leo núi, đua ngựa, đua mô tô hoặc bất kỳ hình thức đua nào, quyền anh, săn bắn; hoặc
- Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị/phương tiện vận chuyển hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách có mua vé trên chuyến bay thương mại; hoặc
- Bạo loạn, đánh nhau, nổi dậy, biểu tình, đình công, khủng bố.

c. Loại trừ áp dụng cho Tử vong do tai nạn

- Hành vi vi phạm pháp luật hình sự; một số hành vi vi phạm hành chính cụ thể như: người đi bộ đi vào đường cao tốc, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đi vào đường cấm/đi vào đường ngược chiều/chạy quá tốc độ quy định/lùi xe trái quy định/không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông/không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; và hành vi cố ý gây thương tích của NĐBH, BMBH, Người thụ hưởng lên NĐBH; hoặc
- Sử dụng thuốc, bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất độc, thuốc kích thích trái pháp luật và/hoặc không theo chỉ định của Bác sĩ; hoặc
- NĐBH điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo quy định có hiệu lực của Bộ Y tế (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung) tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm; hoặc
- Tham gia vào các hoạt động nguy hiểm, bao gồm các hoạt động như: huấn luyện hoặc diễn tập quân sự bởi lực lượng vũ trang; lặn biển có bình khí, các môn thể thao chuyên nghiệp, thể thao trên không, nhảy dù, leo núi, đua ngựa, đua mô tô hoặc bất kỳ hình thức đua nào, quyền anh, săn bắn; hoặc
- Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị/phương tiện vận chuyển hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách có mua vé trên chuyến bay thương mại; hoặc
- Bạo loạn, đánh nhau, nổi dậy, biểu tình, đình công, khủng bố.

2. Các điều khoản loại trừ bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm tương ứng.

3. Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Techcom Life Max Vững Vàng và (các) Sản phẩm bán kèm (nếu có). Việc kê khai thông tin không đúng hoặc không đầy đủ sẽ dẫn đến rủi ro không được Techcom Life chi trả Quyền lợi bảo hiểm và ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, điều kiện nhận quyền lợi, hạn mức chi trả tối đa, thời gian không chi trả quyền lợi bảo hiểm và các nội dung khác được quy định tại Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm và được đăng tải tại www.techcomlife.com.

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. Chính sách đầu tư

Quỹ Liên kết chung được hình thành từ Phí bảo hiểm (sau khi khấu trừ Phí ban đầu) của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi Quỹ chủ sở hữu và các Quỹ chủ hợp đồng khác của Techcom Life. Techcom Life có quyền quyết định chính sách đầu tư và phương thức quản lý quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Quỹ Liên kết chung hướng đến việc tạo ra lợi nhuận đầu tư ổn định qua từng năm, đồng thời đảm bảo khả năng thanh khoản nhằm đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ chi trả liên quan đến Quyền lợi bảo hiểm, bao gồm cả việc rút Giá trị tài khoản, thanh toán quyền lợi định kỳ hoặc khi đáo hạn Hợp đồng.

Mục tiêu đầu tư là cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn, chấp nhận rủi ro ở mức trung bình thấp đến trung bình. Quỹ Liên kết chung của Techcom Life được quản lý bởi đơn vị được Techcom Life chỉ định tại từng thời điểm.

2. Lãi suất công bố

Techcom Life sẽ tính toán Lãi suất công bố của quỹ Liên kết chung và công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

Vui lòng tham khảo Lãi suất công bố thực tế và báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ Liên kết chung tại www.techcomlife.com.

V. CÁC LOẠI PHÍ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. **Phí ban đầu:** Là khoản phí được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác Hợp đồng bảo hiểm, chi phí vốn của công ty bảo hiểm. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm (%) Phí bảo hiểm khi Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ Phí ban đầu sẽ được phân bổ tương ứng vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm và được đem đi đầu tư.

Năm đóng phí	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10	Từ năm thứ 11 trở đi
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm cơ bản (%)	30%	18%	12%	12%	12%	1,2%	0%
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm (%)	1%						0%

2. **Phí rủi ro:** là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản cơ bản và/hoặc Giá trị tài khoản đóng thêm để chi trả các Quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm. Phí rủi ro được xác định theo Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và tỷ lệ Phí rủi ro, phù hợp với tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm và các quy định đánh giá rủi ro của Techcom Life. Nếu Giá trị tài khoản cơ bản không đủ để khấu trừ, phần Phí rủi ro còn lại sẽ được tiếp tục khấu trừ từ Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).

3. **Phí quản lý hợp đồng:** là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản cơ bản. Nếu Giá trị tài khoản cơ bản không đủ để khấu trừ, phần Phí quản lý hợp đồng còn lại sẽ được tiếp tục khấu trừ từ Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có). Phí quản lý hợp đồng được tính như sau:

Năm dương lịch	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi
Phí quản lý hợp đồng (đồng)	40.000	50.000	60.000

4. **Phí quản lý quỹ:** Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ được tính trên Giá trị tài khoản, không vượt quá 2%/năm và được khấu trừ trước khi Techcom Life công bố lãi suất tích lũy. Phí quản lý quỹ không cao hơn Lãi suất công bố.

5. **Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn:** là khoản phí được dùng để bù đắp các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn.

   - Đối với tài khoản đóng thêm: Miễn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.
   - Đối với tài khoản cơ bản: Bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng	100%	100%	50%	30%	20%	0%

Lưu ý: Các loại phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

VI. MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

A. TRƯỜNG HỢP BÊN MUA BẢO HIỂM ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

1. MINH HOẠ PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu	Tổng Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Lãi suất minh họa 5,0%/năm	Lãi suất cam kết tối thiểu
1/40	250.000	-	250.000	75.000	-	75.000	175.000	-	175.000	480	250.000	12.164	12.165
2/41	250.000	-	250.000	45.000	-	45.000	205.000	-	205.000	480	250.000	12.645	12.657
3/42	250.000	-	250.000	30.000	-	30.000	220.000	-	220.000	480	125.000	13.034	13.075
4/43	250.000	-	250.000	30.000	-	30.000	220.000	-	220.000	480	75.000	13.380	13.483
5/44	250.000	-	250.000	30.000	-	30.000	220.000	-	220.000	570	50.000	13.624	13.838
6/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	14.595	14.974
7/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	15.630	16.232
8/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	16.695	17.563
9/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	17.818	19.002
10/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	690	-	19.053	20.615

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu	Tổng Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Lãi suất minh họa 5,0%/năm	Lãi suất cam kết tối thiểu
11/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	20.395	22.406
12/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	21.952	24.509
13/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	23.658	26.869
14/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	25.591	29.590
15/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	27.681	32.621
16/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	29.896	35.943
17/56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	32.201	39.538
18/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	34.589	43.422
19/58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	37.081	47.648
20/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	39.748	52.343
21/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	43.125	57.675
22/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	47.544	63.830
23/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	52.636	70.941

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu	Tổng Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Lãi suất minh họa 5,0%/năm	Lãi suất cam kết tối thiểu
24/63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	58.479	79.121
25/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	65.136	88.470
26/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	72.575	98.953
27/66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	80.852	110.661
28/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	90.038	123.701
29/68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	100.394	(*)
30/69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	112.373	
31/70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	126.503	
32/71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	143.418	
33/72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	163.853	
34/73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	188.480	
35/74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	217.680	
36/75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	251.944	

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu	Tổng Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Lãi suất minh họa 5,0%/năm	Lãi suất cam kết tối thiểu
37/76										(*)		(*)	

(*) Giá trị tài khoản sau khi khấu trừ các Khoản khấu trừ hàng tháng nhỏ hơn hoặc bằng 0.

2. MINH HOẠ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

2.1. Tại Lãi suất minh hoạ 5,0%/năm (Không đảm bảo)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất minh họa 5,0%/năm(4)					
			QL Tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
1/40	250.000	175.000	5.000.000	-	170.766	-	170.766	-
2/41	250.000	205.000	5.000.000	-	381.076	-	381.076	131.076
3/42	250.000	220.000	5.000.000	-	617.336	-	617.336	492.336
4/43	250.000	220.000	5.000.000	-	864.969	-	864.969	789.969
5/44	250.000	220.000	5.000.000	-	1.124.642	-	1.124.642	1.074.642
6/45	-	-	5.000.000	-	1.165.270	-	1.165.270	1.165.270
7/46	-	-	5.000.000	-	1.207.030	-	1.207.030	1.207.030
8/47	-	-	5.000.000	-	1.249.621	-	1.249.621	1.249.621
9/48	-	-	5.000.000	-	1.293.188	-	1.293.188	1.293.188
10/49	-	-	5.000.000	-	1.337.573	-	1.337.573	1.337.573
11/50	-	-	5.000.000	-	1.382.955	-	1.382.955	1.382.955
12/51	-	-	5.000.000	-	1.428.820	-	1.428.820	1.428.820
13/52	-	-	5.000.000	-	1.475.226	-	1.475.226	1.475.226
14/53	-	-	5.000.000	-	1.521.968	-	1.521.968	1.521.968
15/54	-	-	5.000.000	-	1.569.112	-	1.569.112	1.569.112

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất minh họa 5,0%/năm(4)					
			QL Tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
16/55	-	-	5.000.000	-	1.616.127	-	1.616.127	1.616.127
17/56	-	-	5.000.000	-	1.663.126	-	1.663.126	1.663.126
18/57	-	-	5.000.000	-	1.710.022	-	1.710.022	1.710.022
19/58	-	-	5.000.000	-	1.756.942	-	1.756.942	1.756.942
20/59	-	-	5.000.000	-	1.803.230	-	1.803.230	1.803.230
Từ Năm hợp đồng thứ 21, các giá trị trong bảng được minh họa theo Lãi suất cam kết tối thiểu (theo quy định của pháp luật)								
21/60	-	-	5.000.000	-	1.777.180	-	1.777.180	1.777.180
22/61	-	-	5.000.000	-	1.746.427	-	1.746.427	1.746.427
23/62	-	-	5.000.000	-	1.710.295	-	1.710.295	1.710.295
24/63	-	-	5.000.000	-	1.667.880	-	1.667.880	1.667.880
25/64	-	-	5.000.000	-	1.618.347	-	1.618.347	1.618.347
26/65	-	-	5.000.000	-	1.560.840	-	1.560.840	1.560.840
27/66	-	-	5.000.000	-	1.494.478	-	1.494.478	1.494.478
28/67	-	-	5.000.000	-	1.418.176	-	1.418.176	1.418.176
29/68	-	-	5.000.000	-	1.330.699	-	1.330.699	1.330.699
30/69	-	-	5.000.000	-	1.230.304	-	1.230.304	1.230.304
31/70	-	-	5.000.000	-	1.114.732	-	1.114.732	1.114.732
32/71	-	-	5.000.000	-	980.965	-	980.965	980.965

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất minh họa 5,0%/năm(4)					
			QL Tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
33/72	-	-	5.000.000	-	825.316	-	825.316	825.316
34/73	-	-	5.000.000	-	643.352	-	643.352	643.352
35/74	-	-	5.000.000	-	430.228	-	430.228	430.228
36/75	-	-	5.000.000	-	180.511	-	180.511	180.511
37/76							(*)	

(*) Giá trị tài khoản sau khi khấu trừ các Khoản khấu trừ hàng tháng nhỏ hơn hoặc bằng 0. Trong trường hợp minh họa đóng phí trong thời gian đóng phí dự kiến, Hợp đồng có khả năng bị đơn phương chấm dứt hiệu lực vào ***Năm hợp đồng thứ 37*** *với lãi suất minh họa 5,0%/năm trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên và với Lãi suất cam kết tối thiểu từ Năm hợp đồng thứ 21.*

Đối với sản phẩm Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Techcom Life Max Vững Vàng, trong 30 Năm hợp đồng đầu tiên, Sản phẩm chính sẽ duy trì hiệu lực Hợp đồng cho dù Giá trị tài khoản không đủ để trừ đi các Khoản khấu trừ hàng tháng nếu Hợp đồng đáp ứng đủ điều kiện của quyền ***"Đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng đặc biệt"****.*

2.2. Tại Lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất cam kết tối thiểu					
			QL Tử vong/TTTBV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
1/40	250.000	175.000	5.000.000	-	169.924	-	169.924	-
2/41	250.000	205.000	5.000.000	-	372.822	-	372.822	122.822
3/42	250.000	220.000	5.000.000	-	596.881	-	596.881	471.881
4/43	250.000	220.000	5.000.000	-	819.105	-	819.105	744.105
5/44	250.000	220.000	5.000.000	-	1.045.324	-	1.045.324	995.324
6/45	-	-	5.000.000	-	1.040.119	-	1.040.119	1.040.119
7/46	-	-	5.000.000	-	1.033.626	-	1.033.626	1.033.626
8/47	-	-	5.000.000	-	1.025.700	-	1.025.700	1.025.700
9/48	-	-	5.000.000	-	1.016.249	-	1.016.249	1.016.249
10/49	-	-	5.000.000	-	1.004.992	-	1.004.992	1.004.992
11/50	-	-	5.000.000	-	991.818	-	991.818	991.818
12/51	-	-	5.000.000	-	976.370	-	976.370	976.370
13/52	-	-	5.000.000	-	958.396	-	958.396	958.396
14/53	-	-	5.000.000	-	937.506	-	937.506	937.506
15/54	-	-	5.000.000	-	913.386	-	913.386	913.386
16/55	-	-	5.000.000	-	885.658	-	885.658	885.658

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất cam kết tối thiểu					
			QL Tử vong/TTTBV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
17/56	-	-	5.000.000	-	854.040	-	854.040	854.040
18/57	-	-	5.000.000	-	818.199	-	818.199	818.199
19/58	-	-	5.000.000	-	777.774	-	777.774	777.774
20/59	-	-	5.000.000	-	732.202	-	732.202	732.202
21/60	-	-	5.000.000	-	680.814	-	680.814	680.814
22/61	-	-	5.000.000	-	622.723	-	622.723	622.723
23/62	-	-	5.000.000	-	556.919	-	556.919	556.919
24/63	-	-	5.000.000	-	482.216	-	482.216	482.216
25/64	-	-	5.000.000	-	397.368	-	397.368	397.368
26/65	-	-	5.000.000	-	301.131	-	301.131	301.131
27/66	-	-	5.000.000	-	192.168	-	192.168	192.168
28/67	-	-	5.000.000	-	68.998	-	68.998	68.998
29/68							(*)	

(*) Giá trị tài khoản sau khi khấu trừ các Khoản khấu trừ hàng tháng nhỏ hơn hoặc bằng 0. Trong trường hợp minh họa đóng phí trong thời gian đóng phí dự kiến, Hợp đồng có khả năng bị đơn phương chấm dứt hiệu lực vào ***Năm hợp đồng thứ 29*** *với Lãi suất cam kết tối thiểu.*

Đối với sản phẩm Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Techcom Life Max Vững Vàng, trong 30 Năm hợp đồng đầu tiên, Sản phẩm chính sẽ duy trì hiệu lực Hợp đồng cho dù Giá trị tài khoản không đủ để trừ đi các Khoản khấu trừ hàng tháng nếu Hợp đồng đáp ứng đủ điều kiện của quyền ***"Đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng đặc biệt"****.*

B. TRƯỜNG HỢP BÊN MUA BẢO HIỂM ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (3 NĂM)

1. MINH HOẠ PHÂN BỔ PHÍ

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu	Tổng Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Lãi suất minh họa 5,0%/năm	Lãi suất cam kết tối thiểu
1/40	250.000	-	250.000	75.000	-	75.000	175.000	-	175.000	480	250.000	12.164	12.165
2/41	250.000	-	250.000	45.000	-	45.000	205.000	-	205.000	480	250.000	12.645	12.657
3/42	250.000	-	250.000	30.000	-	30.000	220.000	-	220.000	480	125.000	13.034	13.075
4/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	480	75.000	14.107	14.200
5/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	570	50.000	15.242	15.410
6/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	16.440	16.709
7/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	17.735	18.136
8/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	19.093	19.650
9/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	20.549	21.287
10/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	690	-	22.171	23.125
11/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	23.962	25.168

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu	Tổng Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Lãi suất minh họa 5,0%/năm	Lãi suất cam kết tối thiểu
12/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	26.059	27.568
13/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	28.397	30.262
14/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	31.082	33.373
15/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	34.051	36.842
16/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	37.281	40.650
17/56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	40.747	44.778
18/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	44.464	49.245
19/58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	48.479	54.114
20/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	52.918	59.528
21/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	58.115	65.684
22/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	64.322	72.795
23/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	71.494	(*)
24/63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	79.745	

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn	Phí rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ Phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ Phí ban đầu	Tổng Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Lãi suất minh họa 5,0%/năm	Lãi suất cam kết tối thiểu
25/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	89.175	
26/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	99.750	
27/66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	111.561	
28/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	-	124.718	
29/68										(*)		(*)	

(*) Giá trị tài khoản sau khi khấu trừ các Khoản khấu trừ hàng tháng nhỏ hơn hoặc bằng 0.

2. MINH HOẠ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

2.1. Tại Lãi suất minh hoạ 5,0%/năm (Không đảm bảo)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất minh họa 5,0%/năm(4)					
			QL Tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
1/40	250.000	175.000	5.000.000	-	170.766	-	170.766	-
2/41	250.000	205.000	5.000.000	-	381.076	-	381.076	131.076
3/42	250.000	220.000	5.000.000	-	617.336	-	617.336	492.336
4/43	-	-	5.000.000	-	633.224	-	633.224	558.224
5/44	-	-	5.000.000	-	648.648	-	648.648	598.648
6/45	-	-	5.000.000	-	663.582	-	663.582	663.582
7/46	-	-	5.000.000	-	678.025	-	678.025	678.025
8/47	-	-	5.000.000	-	691.703	-	691.703	691.703
9/48	-	-	5.000.000	-	704.570	-	704.570	704.570
10/49	-	-	5.000.000	-	716.323	-	716.323	716.323
11/50	-	-	5.000.000	-	726.892	-	726.892	726.892
12/51	-	-	5.000.000	-	735.738	-	735.738	735.738
13/52	-	-	5.000.000	-	742.625	-	742.625	742.625
14/53	-	-	5.000.000	-	747.100	-	747.100	747.100
15/54	-	-	5.000.000	-	748.851	-	748.851	748.851

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất minh họa 5,0%/năm(4)					
			QL Tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
16/55	-	-	5.000.000	-	747.271	-	747.271	747.271
17/56	-	-	5.000.000	-	742.053	-	742.053	742.053
18/57	-	-	5.000.000	-	732.757	-	732.757	732.757
19/58	-	-	5.000.000	-	718.974	-	718.974	718.974
20/59	-	-	5.000.000	-	699.843	-	699.843	699.843
Từ Năm hợp đồng thứ 21, các giá trị trong bảng được minh họa theo Lãi suất cam kết tối thiểu (theo quy định của pháp luật)								
21/60	-	-	5.000.000	-	647.689	-	647.689	647.689
22/61	-	-	5.000.000	-	588.772	-	588.772	588.772
23/62	-	-	5.000.000	-	522.072	-	522.072	522.072
24/63	-	-	5.000.000	-	446.394	-	446.394	446.394
25/64	-	-	5.000.000	-	360.478	-	360.478	360.478
26/65	-	-	5.000.000	-	263.071	-	263.071	263.071
27/66	-	-	5.000.000	-	152.821	-	152.821	152.821
28/67	-	-	5.000.000	-	28.236	-	28.236	28.236
29/68							(*)	

*(*) Giá trị tài khoản sau khi khấu trừ các Khoản khấu trừ hàng tháng nhỏ hơn hoặc bằng 0. Trong trường hợp minh hoạ đóng phí trong thời gian đóng phí bắt buộc, Hợp đồng có khả năng bị đơn phương chấm dứt hiệu lực vào **Năm hợp đồng thứ 29** với lãi suất minh hoạ 5,0%/năm trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên và với Lãi suất cam kết tối thiểu từ Năm hợp đồng thứ 21.*

2.2. Tại Lãi suất cam kết tối thiểu (Giá trị đảm bảo)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất cam kết tối thiểu					
			QL Tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
1/40	250.000	175.000	5.000.000	-	169.924	-	169.924	-
2/41	250.000	205.000	5.000.000	-	372.822	-	372.822	122.822
3/42	250.000	220.000	5.000.000	-	596.881	-	596.881	471.881
4/43	-	-	5.000.000	-	593.980	-	593.980	518.980
5/44	-	-	5.000.000	-	589.707	-	589.707	539.707
6/45	-	-	5.000.000	-	578.202	-	578.202	578.202
7/46	-	-	5.000.000	-	565.162	-	565.162	565.162
8/47	-	-	5.000.000	-	550.455	-	550.455	550.455
9/48	-	-	5.000.000	-	533.953	-	533.953	533.953
10/49	-	-	5.000.000	-	515.350	-	515.350	515.350
11/50	-	-	5.000.000	-	494.489	-	494.489	494.489
12/51	-	-	5.000.000	-	470.994	-	470.994	470.994
13/52	-	-	5.000.000	-	444.554	-	444.554	444.554
14/53	-	-	5.000.000	-	414.722	-	414.722	414.722
15/54	-	-	5.000.000	-	381.115	-	381.115	381.115
16/55	-	-	5.000.000	-	343.333	-	343.333	343.333

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng hàng năm(1)	Tổng phí đem đi đầu tư	Lãi suất cam kết tối thiểu					
			QL Tử vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản(2)	Giá trị hoàn lại(3)
17/56	-	-	5.000.000	-	301.022	-	301.022	301.022
18/57	-	-	5.000.000	-	253.797	-	253.797	253.797
19/58	-	-	5.000.000	-	201.212	-	201.212	201.212
20/59	-	-	5.000.000	-	142.650	-	142.650	142.650
21/60	-	-	5.000.000	-	77.314	-	77.314	77.314
22/61	-	-	5.000.000	-	4.175	-	4.175	4.175
23/62							(*)	

*(*) Giá trị tài khoản sau khi khấu trừ các Khoản khấu trừ hàng tháng nhỏ hơn hoặc bằng 0. Trong trường hợp minh hoạ đóng phí trong thời gian đóng phí bắt buộc, Hợp đồng có khả năng bị đơn phương chấm dứt hiệu lực vào **Năm hợp đồng thứ 23** với Lãi suất cam kết tối thiểu.*

Ghi chú:

(1) Bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có), trong đó:

Phí bảo hiểm cơ bản: là khoản phí mà Bên mua bảo hiểm đóng cho Sản phẩm chính, không bao gồm Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm (nếu có) và Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có).

Phí bảo hiểm đóng thêm: là khoản Phí bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm Sản phẩm bán kèm theo định kỳ đóng phí Bên mua bảo hiểm lựa chọn, phù hợp với quy định về Phí bảo hiểm đóng thêm của Techcom Life. Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng Phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm của Năm hợp đồng đó.

(2) **Giá trị tài khoản** là tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm, sau khi đã khấu trừ Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, các khoản rút tiền (nếu có).

(3) **Giá trị hoàn lại** là số tiền Bên mua bảo hiểm nhận được (nếu có) khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực theo các quy định tương ứng trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Giá trị hoàn lại được xác định bằng Giá trị tài khoản hợp đồng tại thời điểm chấm dứt hiệu lực Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Giá trị hoàn lại minh họa ở đây được xác định tại cuối mỗi Năm hợp đồng.

(4) Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức Lãi suất cam kết tối thiểu.

VII. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT CHO BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng: 1800 1266
2. Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: dvkh@techcomlife.com
3. Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng: www.techcomlife.com
4. Bên mua bảo hiểm có thể truy cập công cụ tính toán để tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm tại: https://www.techcomlife.com/quick-quote/FULP2502/
5. Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo Quy tắc, Điều khoản sản phẩm tại: www.techcomlife.com
6. Bên mua bảo hiểm có thể tìm kiếm thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại: www.techcomlife.com/ve-chung-toi/bao-cao-quy-lien-ket-chung-13

VIII. LƯU Ý KHI THAM GIA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Nghĩa vụ kê khai thông tin trung thực: là cơ sở để Techcom Life chấp thuận hay từ chối bảo hiểm cho Người được bảo hiểm và cũng là cơ sở cho việc giải quyết Quyền lợi bảo hiểm về sau. Vì vậy, đây là trách nhiệm mà Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải đảm bảo tuân thủ khi tham gia Hợp đồng bảo hiểm. Việc kê khai không đầy đủ hoặc không trung thực thông tin trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có thể sẽ dẫn đến tình trạng Hợp đồng bảo hiểm bị hủy bỏ hoặc Quyền lợi bảo hiểm không được chi trả.
2. Việc giao kết hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản Phí bảo hiểm đã đóng.
3. Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để đảm bảo quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm. Đặc biệt về đóng phí và kê khai thông tin.

IX. XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Bằng việc xác nhận tài liệu này thông qua SMS OTP gửi đến số điện thoại của Tôi đăng ký trên Giấy yêu cầu bảo hiểm và ký tên trên "Xác nhận tham gia bảo hiểm" nộp kèm Giấy yêu cầu bảo hiểm, tôi xác nhận và cam kết:

1. Tôi, Bên mua bảo hiểm, xác nhận đã được Chuyên viên Tư vấn của Techcom Life phân tích nhu cầu tài chính và đã được giải thích, tư vấn nhu cầu và khả năng tài chính của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi xác nhận việc tham gia bảo hiểm là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc dưới bất kỳ hình thức nào.
2. Tôi hiểu rằng Giá trị tài khoản hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của các Quỹ Liên kết chung. Phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí thực tế, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm phù hợp với quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Do vậy, Giá trị tài khoản hợp đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa bán hàng này, và có thể thấp hơn khoản Phí bảo hiểm đã đóng.
3. Tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực ngay sau khi kết thúc Thời gian gia hạn đóng phí nếu (i) Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên; hoặc (ii) Kết thúc 03 Năm hợp đồng đầu tiên trong trường hợp Hợp đồng được hưởng Quyền đảm bảo duy trì hiệu lực Hợp đồng và đồng thời Giá trị tài khoản trừ đi Khoản nợ (nếu có) không đủ để khấu trừ Khoản khấu trừ hàng tháng; hoặc (iii) Giá trị tài khoản hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn hoặc bằng 0 đồng từ Năm hợp đồng thứ 04 trở đi trừ trường hợp Hợp đồng được hưởng Quyền đảm bảo duy trì hiệu lực Hợp đồng đặc biệt; hoặc (iv) Kết thúc 30 Năm hợp đồng đầu tiên trong trường hợp Hợp đồng được hưởng Quyền đảm bảo duy trì hiệu lực Hợp đồng đặc biệt và đồng thời Giá trị tài khoản trừ đi Khoản nợ (nếu có) không đủ để khấu trừ Khoản khấu trừ hàng tháng, tuỳ sự kiện nào xảy ra trước.
4. Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với nội dung toàn bộ Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này. Tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với bất kỳ nội dung nào tại Tài liệu minh họa bán hàng này.
5. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia Hợp đồng bảo hiểm này. Tôi cam kết tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng Phí bảo hiểm và cung cấp thông tin. Tôi hiểu rằng trường hợp vi phạm nghĩa vụ trên có thể dẫn tới việc Techcom Life không chi trả quyền lợi bảo hiểm và/hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.
6. Tôi hiểu rằng lạm phát có thể dẫn đến việc trượt giá đối với các số liệu được thể hiện trong Tài liệu minh họa bán hàng.
7. Techcom Life có thể thay đổi mức phí của (các) Sản phẩm bán kèm, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng và Techcom Life sẽ thông báo trước 3 tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
8. Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và được đính kèm như là một phần của Hợp đồng

bảo hiểm.

9. Tôi xác nhận đồng ý tham gia Hợp đồng bảo hiểm sau khi đã đọc kỹ, được tư vấn đầy đủ và hiểu rõ về nội dung Tài liệu minh họa bán hàng và Quy tắc, Điều khoản của các sản phẩm.

Bên mua bảo hiểm

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Tôi, MS: 2382938292AN, Chuyên viên Tư vấn của Techcom Life, xác nhận tại Tài liệu minh họa bán hàng này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính đồng thời tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Tài liệu minh họa bán hàng, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của Sản phẩm chính và các Sản phẩm bán kèm (nếu có) với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận không ép buộc Bên mua bảo hiểm tham gia bảo hiểm dưới bất kỳ hình thức nào. Ngoài ra, tôi xác nhận Bên mua bảo hiểm đã xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này trước sự chứng kiến của tôi.

Chuyên viên Tư vấn

TÊN CỦA CVTV